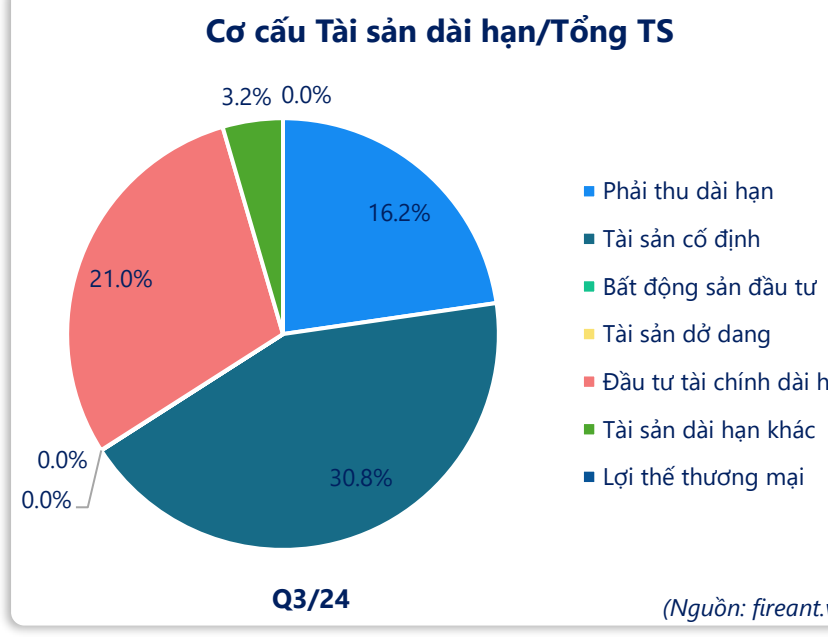
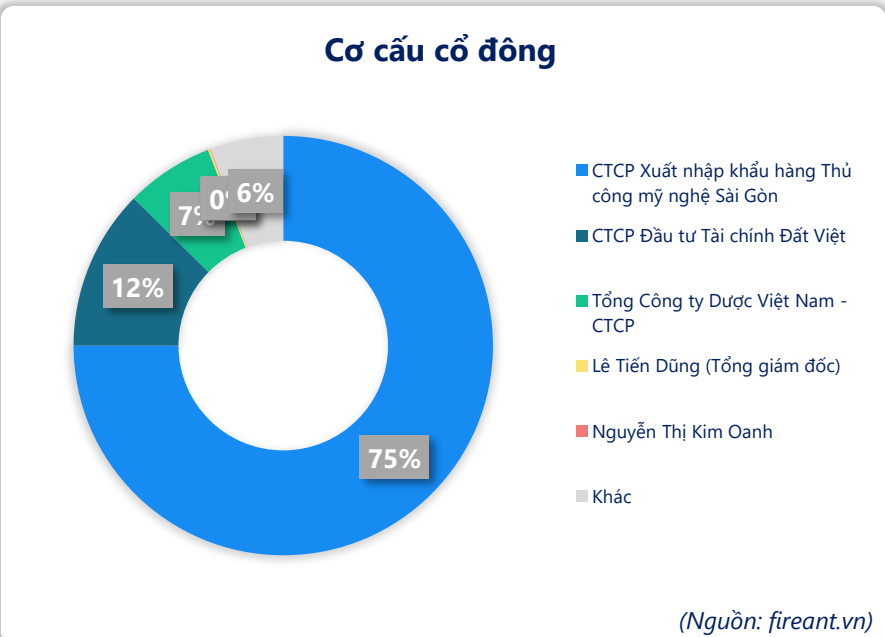
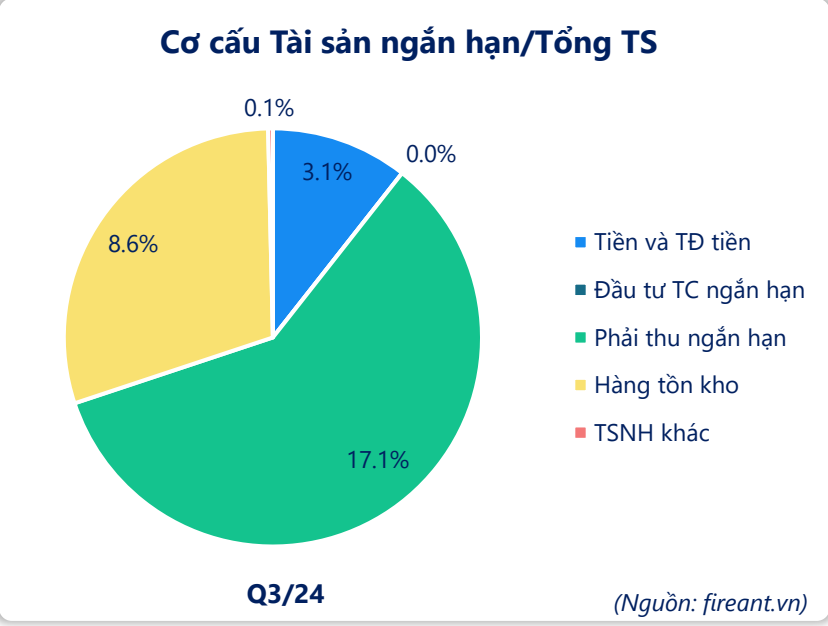
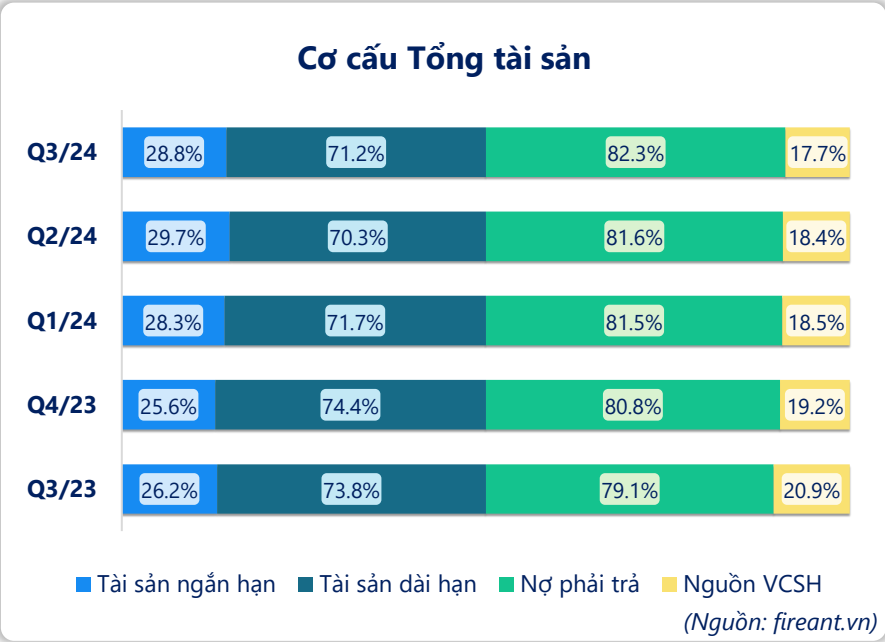
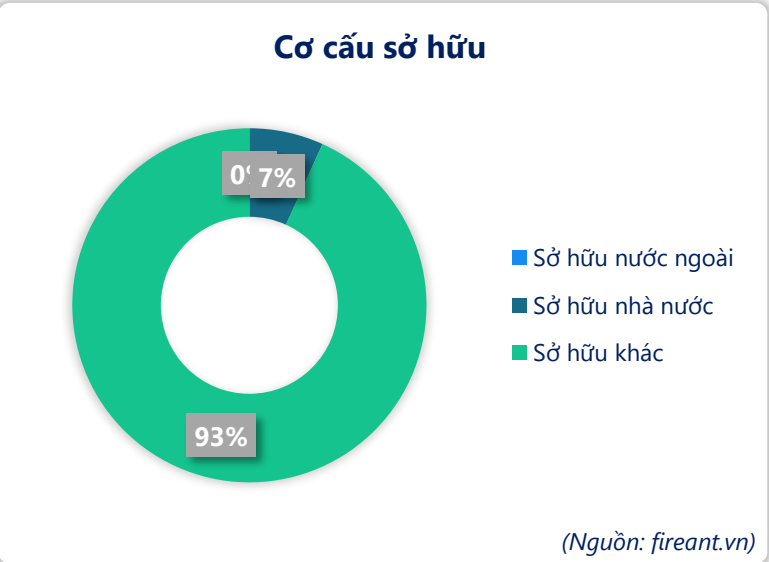
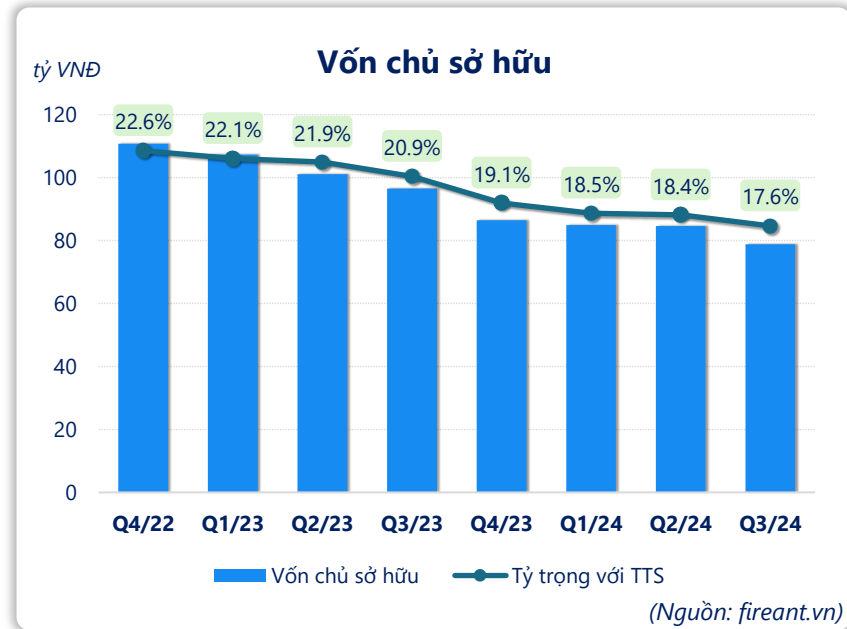
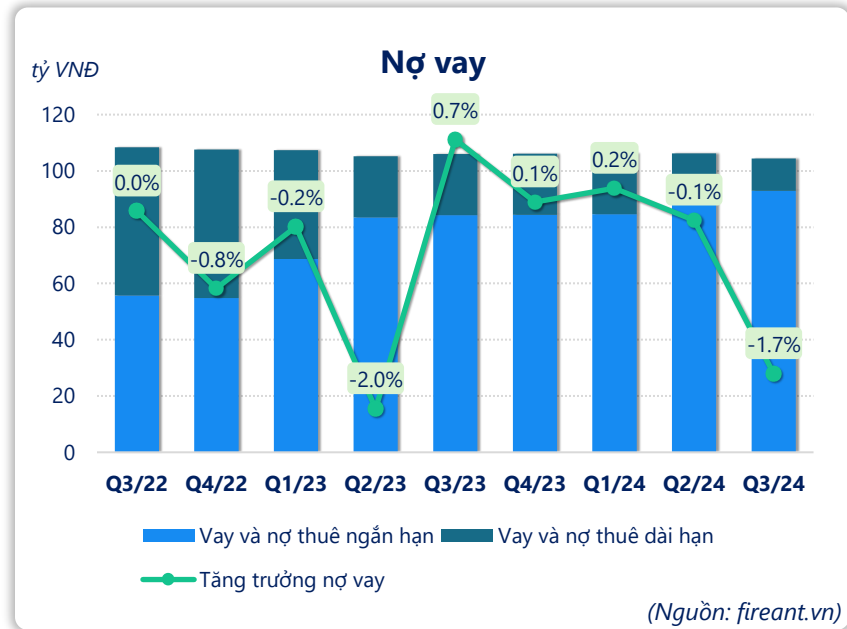
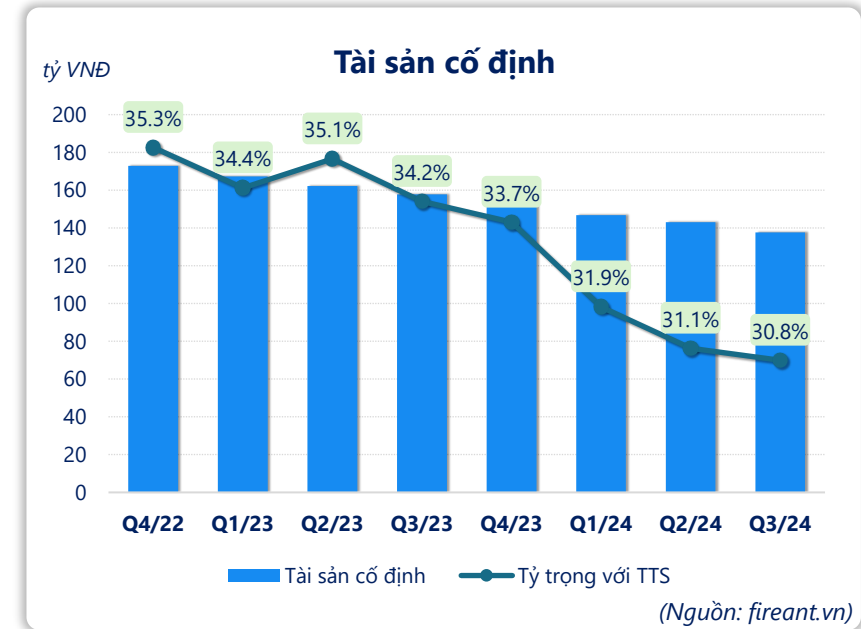
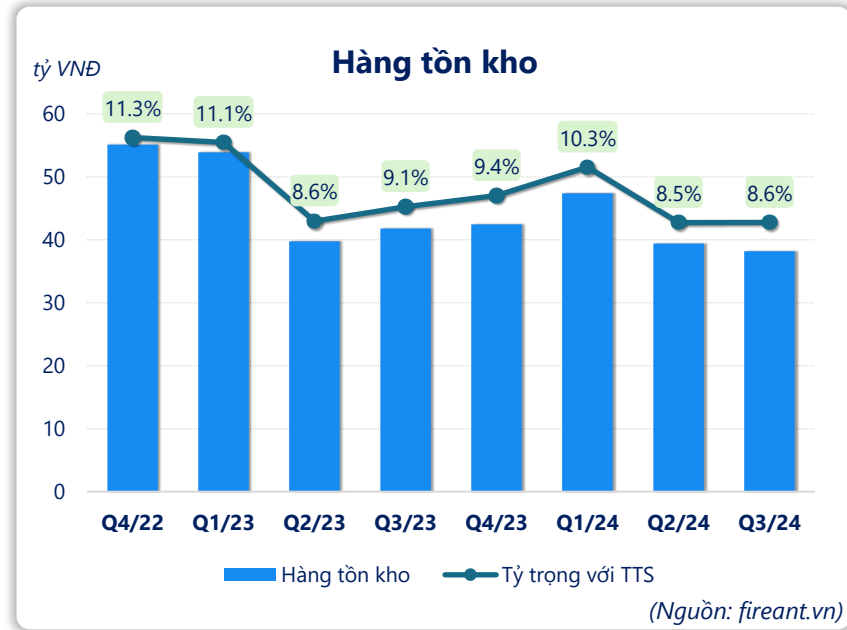
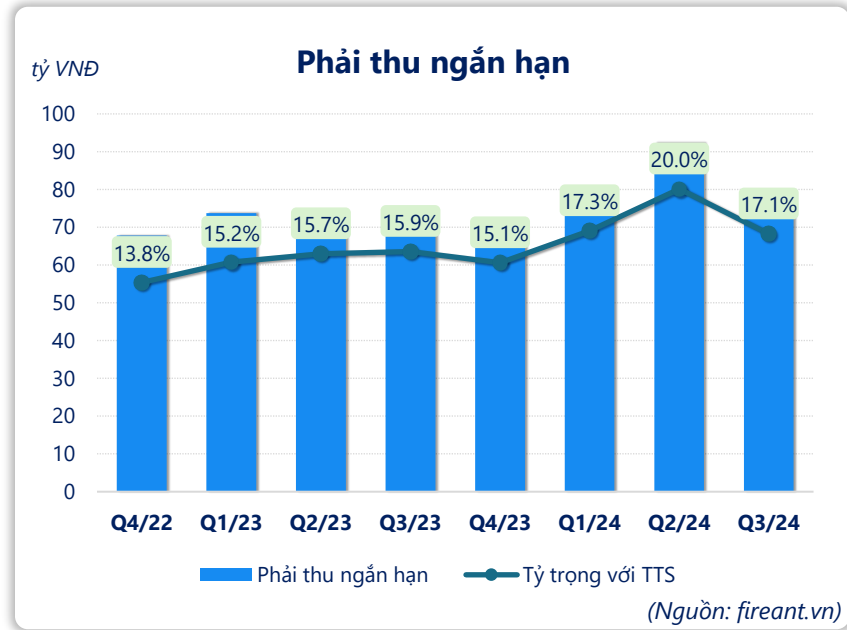
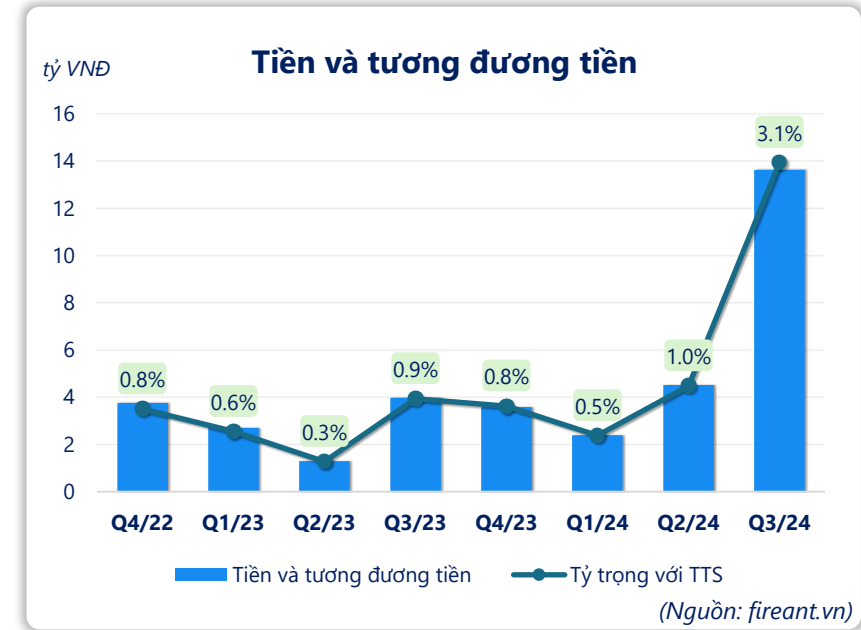


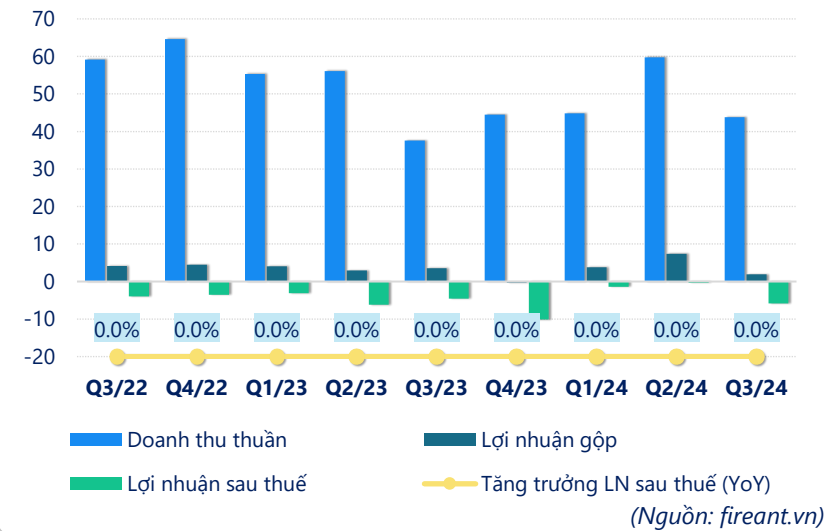
Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		2,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,900
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		58
P/E		-3.3
EPS		-886

	YTD	1T	3T	6T
DP2	-32.6%	-12.1%	-23.7%	-39.6%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

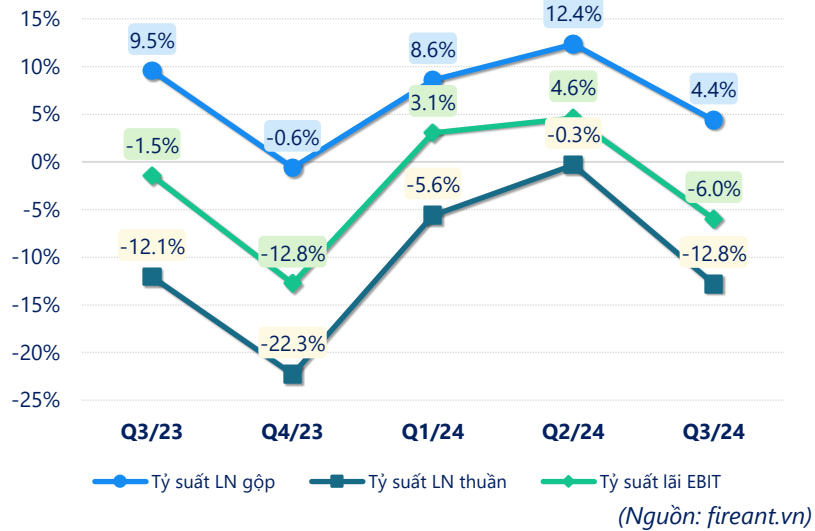




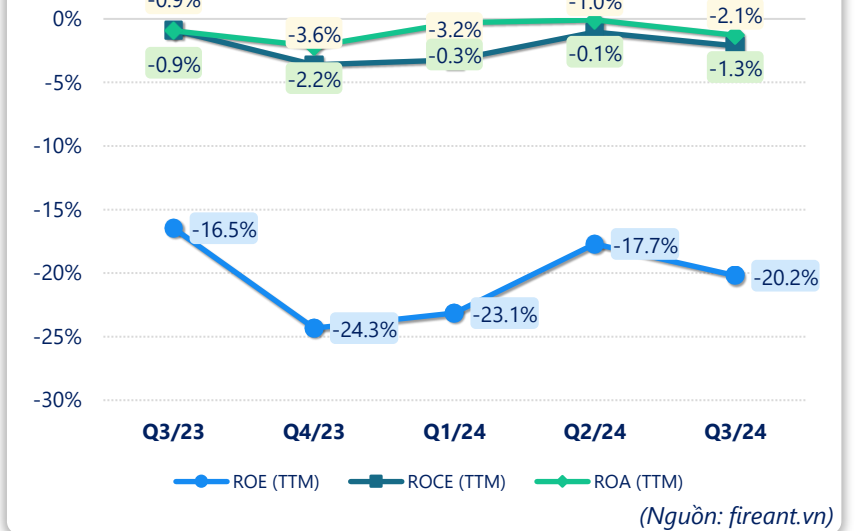
Kết quả kinh doanh



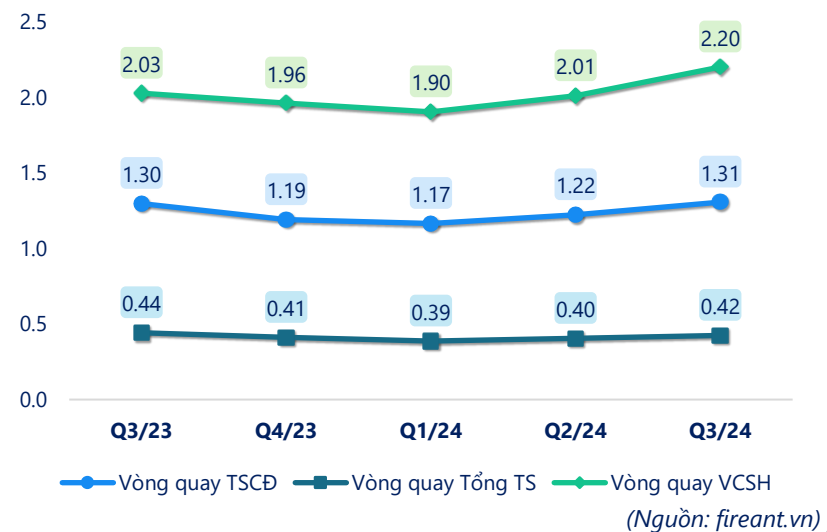
Tỷ suất lợi nhuận



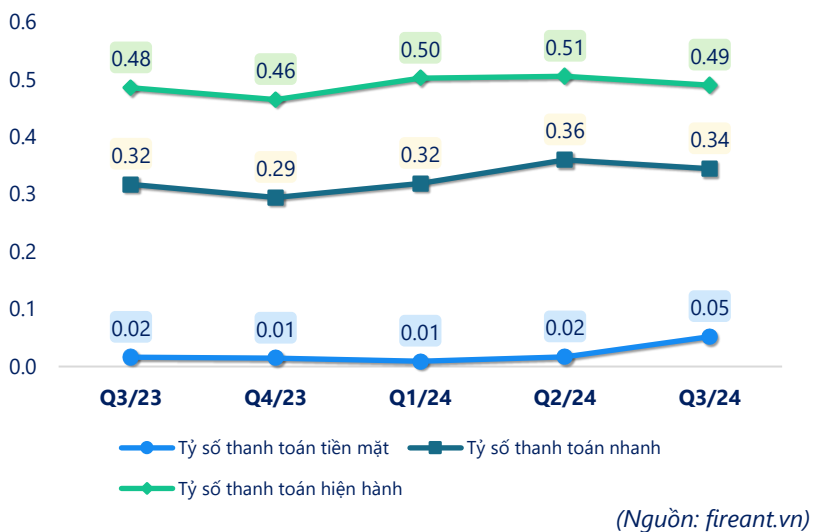
Tỷ suất sinh lợi



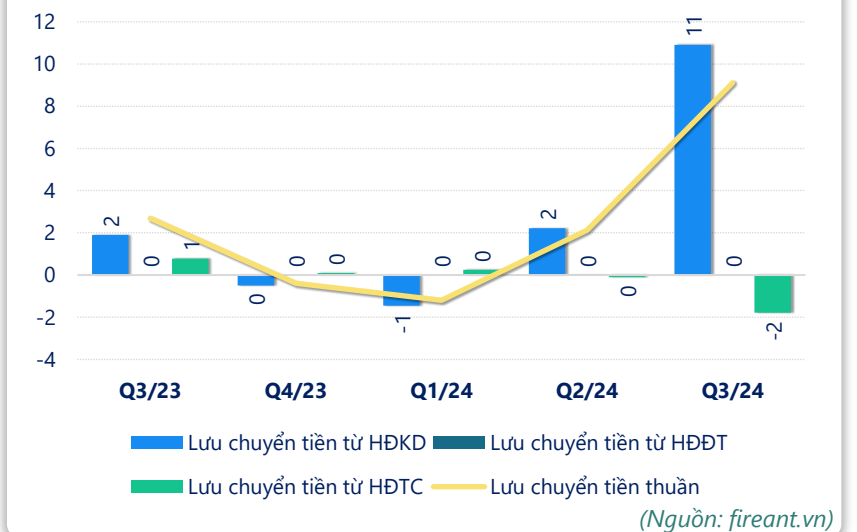
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	447	451	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	128	116	11.0%
Tiền và tương đương tiền	13.6	3.58	280%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	76.2	68.4	11.4%
Hàng tồn kho	38.2	42.4	-10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	1.33	-64.5%
Tài sản dài hạn	318	336	-5.2%
Phải thu dài hạn	72.2	72.2	0.0%
Tài sản cố định	138	152	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	1.91	-96.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.0	94.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	14.4	15.3	-6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	368	365	0.8%
Nợ ngắn hạn	262	249	5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	93.0	84.3	10.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.6	18.5	-5.2%
Nợ dài hạn	105	116	-8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.4	21.7	-47.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	78.9	86.5	-8.8%
Vốn chủ sở hữu	78.8	86.4	-8.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.18	0.18	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	37.6	44.5	44.9	59.7	43.8
Giá vốn hàng bán	34.0	44.8	41.0	52.4	41.9
Lợi nhuận gộp	3.58	-0.27	3.85	7.38	1.91
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.00	0.00	0.01
Chi phí TC	4.04	4.55	2.78	3.35	3.20
Chi phí lãi vay	4.00	4.46	2.76	3.11	3.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.80	1.32	0.70	0.97	0.76
Chi phí QLDN	3.29	3.78	2.88	3.25	3.57
LN thuần từ HĐKD	-4.53	-9.91	-2.52	-0.19	-5.61
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.22	1.12	-0.17	-0.21
LN trước thuế	-4.55	-10.1	-1.39	-0.36	-5.82
Lợi nhuận sau thuế	-4.55	-10.1	-1.39	-0.36	-5.82
LNST của CĐ cty mẹ	-4.55	-10.1	-1.39	-0.36	-5.82

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.91	-0.49	-1.44	2.22	10.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.78	0.10	0.25	-0.10	-1.79
Tiền đầu kỳ	1.29	3.98	3.58	2.39	4.52
Lưu chuyển tiền thuần	2.69	-0.39	-1.19	2.13	9.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.98	3.58	2.39	4.52	13.6

(Nguồn: fireant.vn)